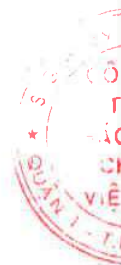


**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM CHUBB VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM CHUBB VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DNPNT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DNPNT)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DNPNT)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DNPNT)	11

01  
02  
03  
04  
05  
06  
07  
08  
09  
10  
11

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM CHUBB VIỆT NAM

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 39GP/KDBH cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006

Giấy phép thành lập và hoạt động số 39/GPĐC5/KDBH thay đổi lần thứ 5 được cấp ngày 30 tháng 6 năm 2016. Giấy phép thành lập và hoạt động và các Giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên số 39GP/KDBH ngày 30 tháng 10 năm 2006.

#### Hội đồng Thành viên

Ông Olivier Bouchard  
Ông Mark Andrew Eggleton  
Ông Neil Treleven Spettigue

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

#### Người đại diện theo pháp luật

Bà Đinh Thị Minh Khuê

Tổng Giám đốc

#### Trụ sở chính

Số 9, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM CHUBB VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính

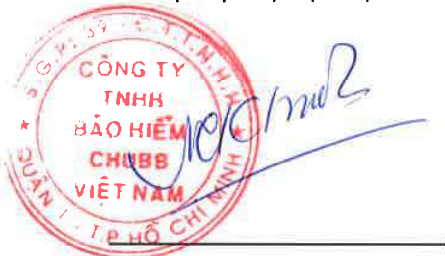
Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 48. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.



Đinh Thị Minh Khuê  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM CHUBB VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo Hiểm Chubb Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 27 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.048.220.155.283</b>	<b>1.051.399.816.086</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>61.907.961.649</b>	<b>353.002.559.056</b>
111	Tiền		27.907.961.649	34.002.559.056
112	Các khoản tương đương tiền		34.000.000.000	319.000.000.000
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>679.320.000.000</b>	<b>325.320.000.000</b>
121	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<b>6</b>	679.320.000.000	325.320.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>142.052.626.883</b>	<b>171.859.538.564</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		139.187.420.437	168.040.672.582
131.1	<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<b>7</b>	139.187.420.437	168.040.672.582
135	Phải thu ngắn hạn khác	<b>8(a)</b>	5.582.316.377	3.818.865.982
139	Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn	<b>9</b>	(2.717.109.931)	-
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>24.507.544.325</b>	<b>19.390.357.445</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>10(a)</b>	23.255.353.922	16.736.471.994
151.1	<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>		20.954.540.050	15.533.771.797
151.2	<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>		2.300.813.872	1.202.700.197
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>13(a)</b>	1.252.190.403	2.653.885.451
<b>190</b>	<b>Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>19(a)</b>	<b>140.432.022.426</b>	<b>181.827.361.021</b>
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		73.873.009.381	78.556.487.082
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		66.559.013.045	103.270.873.939
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>15.107.367.588</b>	<b>15.772.573.510</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>8.067.084.000</b>	<b>8.067.084.000</b>
218	Phải thu dài hạn khác	<b>8(b)</b>	8.067.084.000	8.067.084.000
218.1	<i>Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc</i>		6.000.000.000	6.000.000.000
218.2	<i>Phải thu dài hạn khác</i>		2.067.084.000	2.067.084.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>4.387.651.857</b>	<b>5.500.168.567</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	<b>11(a)</b>	4.387.651.857	5.500.168.567
222	Nguyên giá		14.850.271.235	13.005.417.235
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.462.619.378)	(7.505.248.668)
227	Tài sản cố định vô hình	<b>11(b)</b>	-	-
228	Nguyên giá		3.281.128.068	3.281.128.068
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.281.128.068)	(3.281.128.068)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.652.631.731</b>	<b>2.205.320.943</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	<b>10(b)</b>	2.652.631.731	2.205.320.943
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.063.327.522.871</b>	<b>1.067.172.389.596</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>647.822.591.011</b>	<b>657.547.977.657</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>647.605.698.767</b>	<b>657.340.634.431</b>
312	Phải trả người bán ngắn hạn		241.736.307.118	239.395.577.317
312.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	12	241.736.307.118	239.395.577.317
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(b)	9.346.905.957	8.349.215.996
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	42.040.840.724	41.694.487.161
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	20.354.312.778	59.863.046.755
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	15	11.282.124.218	11.253.857.298
329	Dự phòng nghiệp vụ		322.845.207.972	296.784.449.904
329.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	19(a)	165.828.548.456	128.403.252.232
329.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	19(a)	109.788.268.183	129.549.217.746
329.3	Dự phòng dao động lớn	19(b)	47.228.391.333	38.831.979.926
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>216.892.244</b>	<b>207.343.226</b>
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		216.892.244	207.343.226
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>415.504.931.860</b>	<b>409.624.411.939</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>415.504.931.860</b>	<b>409.624.411.939</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	337.455.151.000	337.455.151.000
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	18	6.616.026.936	6.322.000.940
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	71.433.753.924	65.847.259.999
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		65.847.259.999	68.459.425.138
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay/ (Lỗ sau thuế của năm nay)		5.586.493.925	(2.612.165.139)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.063.327.522.871</b>	<b>1.067.172.389.596</b>

*(Signature)*

Trịnh Thực Uyển Dung  
Người lập/Kế toán trưởng

*(Signature)*

Trần Thị Tuyết Nhung  
Giám đốc Tài chính



Đinh Thị Minh Khuê  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	544.894.881.031	435.296.916.097
12	Doanh thu hoạt động tài chính	33.306.486.099	26.132.982.080
13	Thu nhập khác	1.457.104.191	202.327.606
20	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(406.985.284.840)	(294.152.966.027)
22	Chi phí hoạt động tài chính	(4.696.583.605)	(5.617.169.128)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(159.928.050.194)	(164.395.560.420)
24	Chi phí khác	(764.337.713)	(78.695.347)
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>7.284.214.969</b>	<b>(2.612.165.139)</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành</b>	<b>(1.403.695.048)</b>	<b>-</b>
<b>52</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.880.519.921</b>	<b>(2.612.165.139)</b>



Trịnh Thục Uyên Dung  
Người lập/Kế toán trưởng



Trần Thị Tuyết Nhung  
Giám đốc Tài chính



Đình Thị Minh Khuê  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

## PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
<b>01</b>	<b>Doanh thu phí bảo hiểm</b>	<b>860.143.350.784</b>	<b>741.479.406.550</b>
	Trong đó:		
01.1	Phí bảo hiểm gốc	708.530.199.050	599.489.496.984
01.2	Phí nhận tái bảo hiểm	189.038.447.958	141.696.738.146
01.3	(Tăng)/Giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	19(a) (37.425.296.224)	293.171.420
<b>02</b>	<b>Phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(622.371.744.526)</b>	<b>(533.602.424.724)</b>
	Trong đó:		
02.1	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	22 (617.688.266.825)	(542.445.741.847)
02.2	(Giảm)/Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	19(a) (4.683.477.701)	8.843.317.123
<b>03</b>	<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần</b>	<b>237.771.606.258</b>	<b>207.876.981.826</b>
<b>04</b>	<b>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>307.123.274.773</b>	<b>227.419.934.271</b>
	Trong đó:		
04.1	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	23 307.123.274.773	227.419.934.271
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>544.894.881.031</b>	<b>435.296.916.097</b>
<b>11</b>	<b>Chi phí bồi thường</b>	<b>(134.678.573.830)</b>	<b>(239.478.635.435)</b>
	Trong đó:		
11.1	Tổng chi bồi thường	(135.859.963.069)	(239.941.800.822)
11.2	Các khoản giảm trừ	1.181.389.239	463.165.387
<b>12</b>	<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>96.837.918.154</b>	<b>212.931.398.148</b>
<b>13</b>	<b>Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>24 19.760.949.563</b>	<b>118.531.284.215</b>
<b>14</b>	<b>Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>24 (36.711.860.894)</b>	<b>(112.800.967.165)</b>
<b>15</b>	<b>Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b>	<b>24 (54.791.567.007)</b>	<b>(20.816.920.237)</b>
<b>16</b>	<b>Tăng dự phòng dao động lớn</b>	<b>19(b) (8.396.411.407)</b>	<b>(5.962.214.798)</b>
<b>17</b>	<b>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>25 (343.797.306.426)</b>	<b>(267.373.830.992)</b>
	Trong đó:		
17.1	Chi hoa hồng bảo hiểm	(92.499.929.746)	(80.213.770.765)
17.2	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(251.297.376.680)	(187.160.060.227)
<b>18</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>(406.985.284.840)</b>	<b>(294.152.966.027)</b>
<b>19</b>	<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>137.909.596.191</b>	<b>141.143.950.070</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

## PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	33.306.486.099	26.132.982.080
24	Chi phí tài chính	(4.696.583.605)	(5.617.169.128)
<b>25</b>	<b>Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>	<b>28.609.902.494</b>	<b>20.515.812.952</b>
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(159.928.050.194)	(164.395.560.420)
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>6.591.448.491</b>	<b>(2.735.797.398)</b>
31	Thu nhập khác	1.457.104.191	202.327.606
32	Chi phí khác	(764.337.713)	(78.695.347)
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>692.766.478</b>	<b>123.632.259</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>7.284.214.969</b>	<b>(2.612.165.139)</b>
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") - hiện hành	(1.403.695.048)	-
52	Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	-	-
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN</b>	<b>5.880.519.921</b>	<b>(2.612.165.139)</b>



Trinh Thục Uyên Dung  
Người lập/Kế toán trưởng



Trần Thị Tuyết Nhung  
Giám đốc Tài chính



  
Đinh Thị Minh Khuê  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>7.284.214.969</b>	<b>(2.612.165.139)</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	2.957.370.710	2.518.768.953
03	Các khoản dự phòng	2.726.658.949	62.619.295
03.1	Biến động dự phòng nghiệp vụ	67.456.096.663	(8.904.590.795)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.914.055.055	1.572.754.321
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(32.219.968.813)	(24.953.693.181)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>50.118.427.533</b>	<b>(32.316.306.546)</b>
09	Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	30.522.683.203	(11.007.787.199)
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	(45.656.239.550)	83.271.006.508
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	(1.545.424.463)	19.819.273
15	Thuế TNDN đã nộp	2.000.000	6.900.506.943
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>33.441.446.723</b>	<b>46.867.238.979</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác	(1.844.854.000)	(4.519.690.117)
23	Tiền gửi ngân hàng	(679.320.000.000)	(325.320.000.000)
24	Tiền thu gốc tiền gửi ngân hàng	325.320.000.000	583.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi	30.371.386.896	30.680.313.784
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(325.473.467.104)</b>	<b>283.840.623.667</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(292.032.020.381)</b>	<b>330.707.862.646</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>353.002.559.056</b>	<b>21.542.190.609</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	937.422.974	752.505.801
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>61.907.961.649</b>	<b>353.002.559.056</b>



 Trịnh Thục Uyển Dung  
 Người lập/Kế toán trưởng



 Trần Thị Tuyết Nhung  
 Giám đốc Tài chính

 Đinh Thị Minh Khuê  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 27 tháng 3 năm 2026